

	Biểu mẫu/Form F01-PRC.10	ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN GLOBALG.A.P. TRỒNG TRỌT/ APPLICATION FOR GLOBALG.A.P. CERTIFICATION- CROPS Hiệu lực/ <i>Effective date:</i> 14.02.2025
--	---	---

I. QUY ĐỊNH CHUNG / *GENERAL RULES*

Ghi chú quan trọng/*Important notes:*

▪ Tất cả các dữ liệu được yêu cầu điền vào dưới đây là yêu cầu bắt buộc của tổ chức GLOBALG.A.P. và được công khai trên hệ thống dữ liệu (Database) của họ. Nếu cần hỗ trợ trong quá trình điền thông tin, vui lòng liên hệ với **CGLOBAL** để được hỗ trợ/ *All data provided below are required in order to register your operation in the GLOBALG.A.P. database. Please provide all information requested. If you need assistance in filling the form, please contact CGLOBAL.*

▪ Khách hàng đăng ký chứng nhận phải có trách nhiệm thấu hiểu các quy định chung của GLOBALG.A.P. và các quy định liên quan có tại website: www.globalgap.org / *You are responsible for understanding the General Regulations of GLOBALG.A.P. and related rules available at www.globalgap.org*

▪ Khách hàng phải ký “Thỏa thuận chứng nhận và nhượng quyền thứ cấp” và gửi đồng thời về CGLOBAL cùng với bản đăng ký này. Việc ký “Thỏa thuận chứng nhận và nhượng quyền thứ cấp” được hiểu rằng: Khách hàng đã thấu hiểu và đồng ý với các quy định của GLOBALG.A.P./ *This includes a signed Sublicense and Certification Agreement. Once signed the “Sublicense and Certification Agreement” means: You are understood and agreed with the Regulations of GLOBALG.A.P.*

▪ Các khoản phí phải được hoàn thành trước khi hoạt động đánh giá được tiến hành. Để biết thêm thông tin về các loại phí chứng nhận, phí đăng ký chứng nhận, vui lòng truy cập website: <https://cglobal.vn> hoặc gửi yêu cầu tới địa chỉ e-mail: cer.vn@cglobal.us / *All fee along with this application must be paid before conducting audit activities. For more information about application fee, registration fee and certification fee, etc. please visit <https://cglobal.vn> or send request to e-mail: cer.vn@cglobal.us.*

II. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN / *CERTIFICATE REGISTRATION INFORMATION*

2.1. Thông tin về tổ chức đăng ký chứng nhận / *Information about certification registration organizations*

1. Tên tổ chức đăng ký chứng nhận/ <i>Name of Applicant:</i>	Tên tiếng Việt/ <i>in Vietnamese:</i> Tên tiếng Anh/ <i>in English:</i>
2. Địa chỉ trụ sở (theo đăng ký kinh doanh) / <i>Address of Head Office:</i>	Địa chỉ tiếng Việt/ <i>in Vietnamese:</i> Địa chỉ tiếng Anh/ <i>in English:</i>
3. Tọa độ trụ sở (Nếu khác với địa điểm đánh giá)/ <i>GPS coordinates</i>	Vĩ độ/ <i>Latitude:</i> ...°.....'....."N, Kinh độ/ <i>Longitude:</i> ...°.....'....."E
4. Mã số thuế/ <i>VAT number:</i>	
5. Địa điểm đánh giá (địa điểm trang trại trồng)/ <i>Site(s) to be audited:</i>	Địa chỉ tiếng Việt/ <i>in Vietnamese:</i> Vườn 1: Vườn 2: Địa chỉ tiếng Anh/ <i>in English:</i> Site 1:

	Biểu mẫu/Form	ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN GLOBALG.A.P. TRỒNG TRỌT/ APPLICATION FOR GLOBALG.A.P. CERTIFICATION- CROPS
	F01-PRC.10	Hiệu lực/ <i>Effective date:</i> 14.02.2025

6. Tọa độ của trang trại trồng trọt (lấy vị trí theo GPS)/ <i>GPS coordinates</i>	Vườn 1: Vĩ độ/ <i>Latitude:</i> ...°.....'....."N, Kinh độ/ <i>Longitude:</i> ...°.....'....."E Vườn 2: Vĩ độ/ <i>Latitude:</i> ...°.....'....."N, Kinh độ/ <i>Longitude:</i> ...°.....'....."E
7. Thông tin liên hệ của tổ chức/ <i>Organization contact information</i>	Thư điện tử/ <i>E-mail:</i> Điện thoại/ <i>Phone:</i> Mobile: ; Fax:..... Quốc gia/ <i>Country:</i>
8. Đại diện có thẩm quyền/ <i>Legal Representative</i> (vd: chủ sở hữu cơ sở sản xuất, giám đốc, chủ tịch hội đồng quản trị,...)	Họ và tên/ <i>Full name:</i>; Chức vụ/ <i>Role:</i> Điện thoại/ <i>Mobile:</i>; Thư điện tử/ <i>E-mail:</i> Fax:
9. Người liên hệ/ <i>Contact Person</i> (là người có trách nhiệm liên quan tới hoạt động trang trại, thông thường là điều hành, quản lý kỹ thuật/ <i>Relationship to operator/ farmer group</i>)	Họ và tên/ <i>Full name:</i>; Chức vụ/ <i>Role:</i> Điện thoại/ <i>Mobile:</i>; Thư điện tử/ <i>E-mail:</i> Fax:
10. Tình trạng sở hữu/ <i>Legal ownership status</i>	☐ Đơn thành viên/ <i>Individual</i> ☐ Đa thành viên/ <i>Multi-ownership</i> - Số lượng thành viên:/ <i>number of registered members:</i> Tên và địa chỉ của công ty mẹ (nếu có)/ <i>Name and address of Holding company*</i> : <i>* If the applying company is a part of a holding company</i>

2.2. Thông tin đăng ký chứng nhận chi tiết / *Detailed certification registration information*

11. Tiêu chuẩn đăng ký chứng nhận/ <i>Certification registration standards</i>	GLOBALG.A.P. INTEGRATED FARM ASSURANCE GFS, Principles and Criteria for Fruit and Vegetables, Version 6.0_AUG 2024 GLOBALG.A.P. GLOBALG.A.P., General Regulations Rules for Producers Group and Multisite Producers with QMS, Version 6.0_AUG 2024 / GLOBALG.A.P. General Regulations Rules for Individual Producers, Version 6.0_AUG 2024
11. Thị trường dự định bán, xuất khẩu sản phẩm/ <i>Countries where the products are intended to be traded:</i>	
12. Các lựa chọn chứng nhận/ <i>Certification Options:</i> (chỉ chọn một/ <i>select one</i>)	OPTION 1: HỘ SẢN XUẤT CÁ THỂ/ <i>INDIVIDUAL PRODUCER</i> ☐ Một điểm sản xuất/ <i>Individual</i> . Một nhà sản xuất hoặc một tổ chức đơn lẻ với một địa điểm sản xuất/ <i>A single producer or single organization with a single Production Site or parcel.</i>

**Biểu mẫu/Form****F01-PRC.10****ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN GLOBALG.A.P. TRỒNG TRỌT/
APPLICATION FOR GLOBALG.A.P. CERTIFICATION-
CROPS**Hiệu lực/ *Effective date:* 14.02.2025

☐ Đa điểm sản xuất không có QMS/*Multisite without QMS*. Một nhà sản xuất, hoặc một tổ chức đơn lẻ sở hữu nhiều địa điểm sản xuất. Tất cả các địa điểm sản xuất được quản lý bởi một thực thể pháp lý./*A single producer or single organization who owns several production sites or parcels. All locations and management units must be under a single legal entity.*

☐ Đa điểm có QMS/*Multisite with QMS*. Một nhà sản xuất hoặc một tổ chức đơn lẻ sở hữu nhiều địa điểm sản xuất có thiết lập Hệ thống Quản lý Chất lượng để kiểm soát nội bộ quá trình sản xuất. Vui lòng liệt kê thông tin từng địa điểm theo mẫu đính kèm./*A single producer or single organization with multiple production locations or management units, who implement a central Quality Management System (QMS) to act as an internal production control system. Please describe all sites as following form attached.*

OPTION 2: HỘ SẢN XUẤT TẬP THỂ/ PRODUCERS GROUP

☐ HỘ SẢN XUẤT TẬP THỂ/ *PRODUCERS GROUP*: Một nhóm các nhà sản xuất/chủ sở hữu trang trại, có thiết lập Hệ thống Quản lý Chất lượng để kiểm soát nội bộ quá trình sản xuất./*A group of individually owned farms or production site operating as a group, who implement a central Quality Management System (QMS) to act as an internal production control system.*

Tham khảo thêm các lựa chọn chứng nhận tại/ *For more information about certification option, please see:* GLOBALG.A.P. General Regulations I and II

Ghi chú/*Note*: Nếu lựa chọn OPTION 2 hoặc Option 1 đa điểm, vui lòng liệt kê thông tin từng hộ theo mẫu đính kèm./*If you chose OPTION 2 or Option 1 multisites, please describe all of producer/production site in attached Annex.*

13. Loại hình chứng nhận/Type of Certification:

☐ Chứng nhận lần đầu/*Initial Certification* (vui lòng đi tới mục 15, nếu chọn/*skip to part 15, if selected*)

☐ Tái chứng nhận/*Re-Certification*

☐ Chứng nhận chuyển đổi/*Transferring Certification*

14. Nếu lựa chọn Tái chứng nhận hay Chứng nhận chuyển đổi ở mục 13, vui lòng cung cấp thông tin về số GLN hoặc GGN/ *If you choose Re-Certification or Transferring Certification, please provide us your GGL or GGN number.*

Số GGN/*GGN number:*Số chứng chỉ/*Certificate number:*Tên tổ chức chứng nhận/*Name of Certification Body:*

15. Loại cây trồng dự kiến chứng nhận, diện tích cánh đồng/thửa ruộng và vị trí/Crops To Be Certified And Field/Plot Size And Location (Nhóm nhà sản xuất (Option 2) bỏ qua mục này, tới mục 18/*Producer group (Option 2) skip to 18*)

Tên cây trồng/ <i>Crop</i> (thường dùng & khoa học/ <i>Common & scientific name</i>)	Diện tích ruộng/thửa KHÔNG CÓ che phủ, thu hoạch lần đầu (ha)/ <i>Non-Covered crops first harvest Plot/Field size (ha)</i>	Diện tích ruộng/thửa KHÔNG CÓ che phủ, thu hoạch (dự kiến) lần tiếp theo (ha)/ <i>Non-Covered crops</i>	Diện tích ruộng/thửa CÓ che phủ, thu hoạch lần đầu/ <i>Covered crops first harvest Plot/Field size (ha)</i>	Diện tích ruộng/thửa CÓ che phủ, thu hoạch (dự kiến) lần tiếp theo/ <i>Covered crops further harvest Plot/Field size (ha)</i>	Số vụ trồng trên năm/ <i>Number of Growing cycles per year</i>	Sở hữu song song/ <i>Parallel ownership (Yes/No)</i>	Có hoạt động thu hoạch (xem mục 16 dưới đây)/ <i>Harvest included (refer to 16 below)</i>
---	--	---	--	--	--	--	---

Biểu mẫu/*Form*

F01-PRC.10

ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN GLOBALG.A.P. TRỒNG TRỌT/
*APPLICATION FOR GLOBALG.A.P. CERTIFICATION-
CROPS*Hiệu lực/ *Effective date:* 14.02.2025

		<i>further harvest Plot/Fiel d size (ha)</i>					
...	...	...	...	...	...	...	☐

16. Đối với các cây trồng được liệt kê phía trên, vui lòng thể hiện thông tin về: ngày bắt đầu thu hoạch, tình trạng đang thu hoạch, và thời gian kết thúc thu hoạch, đồng thời: loại phân bón và thuốc bảo vệ thực vật đang sử dụng/*For crops listed above, indicate dates when harvest started, whether harvest is on-going and when harvest will end for all certification options, otherwise: Fertilizer and PPP which the Producer (s) are using.*

<i>Tên cây trồng/Crops</i>	<i>Ngày bắt đầu thu hoạch/Date when harvest started</i>	<i>Đang trong quá trình thu hoạch/Is harvest on- going? (Điền Có hoặc Không/ Indicate Yes or No)</i>	<i>Ngày kết thúc thu hoạch/When is harvest likely to end? (indicate date)</i>	<i>Phân bón sử dụng/ Fertilizer used</i>	<i>Thuốc bảo vệ thực vật sử dụng/ PPP used</i>
...	...	...	...	...	...

17. Hoạt động xử lý sản phẩm/*Product Handling Sites*

Hoạt động xử lý sản phẩm là một phần bắt buộc phải đánh giá khi tiến hành tại nơi có hoạt động này, các hoạt động xử lý được hiểu là bao gồm nhưng không hạn chế: “phân loại, đóng gói, lưu trữ, vận chuyển tại trang trại, xử lý hóa học, cắt bỏ, rửa và các hoạt động xử lý mà sản phẩm tiếp xúc với các vật chất khác”/*Product handling is a mandatory part of the inspection where the following post harvest activities are carried out: “sorting, packing, storage and transport ex farm, chemical treatments, trimming, washing or any other handling where the product may have physical contact with other materials or substances”.*

Một điểm thu gom tạm thời hoặc lâu dài và vận chuyển từ nơi thu hoạch đến những điểm này có thể coi như là có hoạt động xử lý sản phẩm/*A temporarily or permanent collection/dispatch station and the ex-farm transport from farm/field to these units should be considered as produce handling.*

Nhà sản xuất có hoạt động xử lý sản phẩm không?/*Included Product Handling?*

Không/ *No:* ☐

Có/ *Yes:* ☐

Nếu Có, vui lòng liệt kê vào bảng dưới đây theo từng loại sản phẩm/*If Yes, Please fill out bellow table up to specific product.*

Danh sách địa điểm xử lý sản phẩm trung tâm/List the produce handling site(s)

<i>Cây trồng/ Crops</i>	<i>Địa chỉ của địa điểm sơ chế /Location of the semi-processing site</i>	<i>Loại sơ chế/Type of handling</i>	
		<i>Trên cánh đồng/ on-fields</i>	<i>Trong nhà xưởng/ In facilities</i>
...	...	...	...

Nếu hoạt động này ngoài trang trại, vui lòng cung cấp thông tin theo bảng dưới đây/*If Produce Handling is done off-farm, fill out bellow table up to specific product.*

<i>Cây trồng/ Crops</i>	<i>Địa chỉ của địa điểm xử lý sản phẩm / Location of the Product Handling site</i>	<i>Số GGN của nhà cung cấp/ (GLOBALG.A.P. Client No.)</i>
-------------------------	--	---

	Biểu mẫu/ <i>Form</i>	ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN GLOBALG.A.P. TRỒNG TRỌT/ <i>APPLICATION FOR GLOBALG.A.P. CERTIFICATION-CROPS</i>
	F01-PRC.10	Hiệu lực/ <i>Effective date:</i> 14.02.2025

...	...	...
-----	-----	-----

Cơ sở của quý vị có tham gia đóng gói hoặc xử lý sản phẩm cho nhà sản xuất khác được chứng nhận GLOBALG.A.P. không?/*Do you pack or handle products for other GLOBALG.A.P. certified producers?*

☐ Không/*No* ☐ Có/*Yes*

Nếu CÓ, vui lòng cung cấp tên nhà sản xuất và số GGN/*If YES provide GGN (GLOBALG.A.P. Client Number(s)).*

Nhà sản xuất/ <i>Producer</i>	Số GGN/ <i>GGN number</i>
...	...
...	...

18. Đối với nhóm hộ sản xuất hoặc nhà sản xuất có nhiều địa điểm sản xuất, vui lòng điền vào phụ lục đính kèm đề nghị chứng nhận này/*For a Producers Group or Multisites Producer, Please fill in the table below*

OPTION 1 MULTI-SITES or OPTION 2

Tên nhà sản xuất/ <i>Producer</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>	Diện tích/ <i>Area</i>	Sơ chế sản phẩm/ <i>Product handling</i>	Sản xuất song song/ <i>Parallel Production</i>	Sở hữu song song/ <i>Parallel Ownership</i>
			☐ Yes ☐ No	☐ Yes ☐ No	☐ Yes ☐ No
			☐ Yes ☐ No	☐ Yes ☐ No	☐ Yes ☐ No
			☐ Yes ☐ No	☐ Yes ☐ No	☐ Yes ☐ No
			☐ Yes ☐ No	☐ Yes ☐ No	☐ Yes ☐ No
			☐ Yes ☐ No	☐ Yes ☐ No	☐ Yes ☐ No

19. Các hoạt động thuê thầu phụ/*Sub-contracted Activities*

Liệt kê tất cả các công ty hoặc cá nhân mà quý vị có hoạt động thuê thầu phụ liên quan tới các yêu cầu chung của GLOBALG.A.P.(GLOBALG.A.P. Option 2 QMS hoặc bất cứ trách nhiệm kỹ thuật nào, ví dụ sử dụng các sản phẩm bảo vệ thực vật)/*List all companies or persons that you have sub-contracted activities covered by the GLOBALG.A.P. General Regulations (GLOBALG.A.P. Option 2 QMS or any Technical responsibilities e.g. Crop protection product application).*

Công ty/Cá nhân/ <i>Company/person name</i>	Chi tiết liên hệ/ <i>Contact details</i>	Hoạt động thuê/ <i>sub-contract Activities</i>
...	...	...

Đối với hoạt động thuê thầu phụ cho thuê địa điểm để quý vị sản xuất, vui lòng cung cấp thông tin theo bảng dưới đây, hoặc liệt kê sử dụng một bảng kê bên ngoài/*For Leased production sites (or other) activity (or attached register form)*

Tên nông hộ/ <i>Name of farmer</i>	Địa điểm/ <i>Location</i>	Diện tích/ <i>Size (ha)</i>	Loại cây/ <i>Crops</i>
...	...	...	...

20. Các thông tin bổ sung/*Additional information:*

Nhà sản xuất có kho lưu trữ, bảo quản thuốc bảo vệ thực vật, phân bón không? ☐ Yes ☐ No
Have any fertilizers (organic and/or inorganic) and/or biostimulants been stored on site during the certification cycle?

Nhà sản xuất có ao, hồ hay khu vực dự trữ nước tưới tại trang trại không? ☐ Yes ☐ No
Has water been stored on site during the certification cycle?

Nhà sản xuất có sử dụng bùn hay chất nền trong chu kỳ trồng không? ☐ Yes ☐ No

**Biểu mẫu/Form****F01-PRC.10****ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN GLOBALG.A.P. TRỒNG TRỌT/
APPLICATION FOR GLOBALG.A.P. CERTIFICATION-
CROPS**Hiệu lực/ *Effective date:* 14.02.2025

Have substrates (peat or other media) been used for cultivation purposes during the certification cycle?

Nhà sản xuất có quản lý vật liệu nhân giống (PPM) trong chu kỳ trồng?

☐ Yes ☐ No

Do producer use or manage plant propagation materials in growing cycle?

21. Nhà sản xuất có đăng ký GRASP không/Do you apply for GRASP add on? ☐ Yes ☐ No

Nếu có xin vui lòng trả lời các câu hỏi dưới đây/ *If yes, please kindly answer the questions below:*

- Nhà sản xuất có phải trang trại gia đình không?/ *Family farm?* ☐ Yes ☐ No

Nếu là trang trại gia đình, Liệt kê số lượng thành viên gia đình và mối quan hệ/ if yes, Number of family members and their relation:

Với producer option 1 không áp dụng QMS/ For option 1 without QMS:

- Số lượng và loại lao động (cố định, thời vụ) theo giới tính/ *Number and type of workers (permanent/ seasonal) by gender:*

- Số lượng lao động thuê ngoài/ *Number of subcontracted workers (if applicable):*

Với producer option 1 multisite áp dụng QMS và Option 2 / For option 1 with QMS and option 2:

- Tổng số thành viên nhóm nhà sản xuất/Site sản xuất/ *Total number of producer group members/production sites:*

- Có bao nhiêu thành viên/site có người lao động/ *How many of these with workers?*

- Có bao nhiêu thành viên/site không có người lao động/ *How many without workers?*

- Có bao nhiêu thành viên/site không thuê người lao động/ *How many family farms without hired workers?*

22. Cung cấp thông tin/Disclosure of information:

Những thông tin cần cung cấp có thể xem thêm tại Sublicense & Certification Agreement và GR IFA GR I / *For information on disclosure, please refer to the Sublicense & Certification Agreement and GR IFA GR I.*

Vui lòng lựa chọn mức độ cung cấp thông tin/ Please Choose the different data release levels below:

Bằng việc lựa chọn mức độ cung cấp thông tin dưới đây và ký vào văn bản này, tôi đồng ý rằng CGLOBAL sẽ được quyền sử dụng những thông tin này./ *By ticking the levels below and by signing this document I agree that CGLOBAL will treat information as described below.*

☐ **Mức 1/Level 1** (Mức tối thiểu và bắt buộc đối với tất cả các tiểu phạm vi/ *Minimum and obligatory level for all sub-scopes*)

a. Công bố các thông tin sau: Tên công ty/Số GGN và GLN (nếu có) hiện tại, Số GGN trước đó, số đăng ký, chương trình, phiên bản, option, CB, sản phẩm và tình trạng chứng nhận, các thông tin liên quan tới hoạt động sơ chế/chế biến, số nhà sản xuất (nông hộ) đối với Option 2, thành phố, quốc gia mà dự kiến bán, xuất khẩu. Địa chỉ công ty, nếu có thể./ *The Company name, Current GGN and GLN (if available), Sub GLN's (if available), Previous GGN, registration no., scheme, version, option, CB, products and status, produce handling/processing declaration, number of producers (in Option 2), city, country of production and destination are available to the public. The Company address is Optional.*

b. GLOBALG.A.P., tổ chức chứng nhận, và các cơ quan được ủy quyền mà nhà sản xuất đang làm việc cùng có thể sử dụng tất cả các thông tin này để làm đầu vào cho các quá trình nội bộ hoặc quá trình xử phạt/ *GLOBALG.A.P., the certification body and trustee, which the producer or producer group is working with, can use all data in the GLOBALG.A.P. database for internal processes and sanctioning procedures.*

☐ **Mức 2/Level 2** Ngoài các thông tin như Mức 1, Mức 2 sẽ công khai thêm tên nhà sản xuất/nhóm hộ sản xuất, tên thành phố, và mã bưu chính./ *In addition to Level 1, the producer or producer group's organization name, city and postal code are available to the public.*

☐ **Mức 3/Level 3** - Công khai tất cả các thông tin/ *Publication of all data* (vd: chi tiết hợp đồng, số lượng, các bản ghi chép có thông tin hoàn chỉnh/ *e.g. contact details, quantities, completed*

	Biểu mẫu/Form F01-PRC.10	ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN GLOBALG.A.P. TRỒNG TRỌT/ APPLICATION FOR GLOBALG.A.P. CERTIFICATION- CROPS Hiệu lực/ <i>Effective date:</i> 14.02.2025
--	---	---

checklists).

Người nộp đơn này phải chọn 1 trong 3 mức trên./ *The client shall accept one of three levels listed.*

Ghi chú/Note: Người nộp đơn có thể tải về các tiêu chuẩn liên quan hoàn toàn miễn phí tại địa chỉ: www.globalgap.org/ *Operators applying for certification must have access to the applicable standards (this can be downloaded free of charge from www.globalgap.org/)*

Hoặc yêu cầu CGLOBAL cung cấp các gói thông tin cho hoạt động này, có thể bị tính phụ phí nếu yêu cầu bản in/ *Or obtained from the information pack from CGLOBAL (delivery and printing cost charged to the client).*

Tôi, người đại diện có thẩm quyền, có tư cách pháp nhân của tổ chức, cam kết rằng, bằng sự hiểu biết và tự nguyện đồng thuận với các yêu cầu ở trên và các quy định được công khai trên website: <https://cglobal.vn>. Tôi hiểu rằng mọi hành vi cố ý làm sai có thể bị đình chỉ/thu hồi chứng nhận. Tôi cung cam đoan tính đúng đắn của những thông tin đã khai bên trên và hoàn toàn chịu trách nhiệm về chúng và đảm bảo mọi điều kiện để tổ chức chứng nhận thực hiện việc đánh giá chứng nhận theo các qui định hiện hành./*I, the owner or legally authorized corporate representative, acknowledge and agree to the above General Requirements for CGLOBAL GLOBALG.A.P. certification. I understand that any willful misrepresentation may cause the sanction of certification and attest that all information provided in this application is true and accurate to the best of my knowledge and I will take responsibility for it.*

Ngày / *Date* Tháng / *Month* Năm / *Year*

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC/ *AUTHORISED REPRESENTATIVE*

(Ký tên và đóng dấu / *Sign and seal*)

Ghi chú:

- Để đăng ký chứng nhận GLOBALG.A.P., vui lòng điền đầy đủ thông tin vào biểu mẫu này, ký, đóng dấu và gửi về cho CGLOBAL theo địa chỉ:/*To apply for CGLOBAL's GLOBALG.A.P. certification program, please fill out this form completely, then sign, seal and send this completed form to address:*

Công ty Công ty cổ phần Global Inspection and Certification Network (CGLOBAL)

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Lô A03/D7, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam; **Điện thoại:** 0352.779.994 **Email:** việtnam@cglobal.us

- Hoặc điền thông tin, ký, đóng dấu, quét ảnh (scan) rồi gửi về cho CGLOBAL theo địa chỉ email:/*Or fill out this form completely, then sign, seal, scan and send the scanned document to: cer.vn@cglobal.us.*

- Vui lòng giữ lại một bản sao của Đăng ký chứng nhận này để lưu hồ sơ cho hoạt động chứng nhận/*Please keep a copy of this completed form for your records.*

III. PHẦN DÀNH RIÊNG CHO CGLOBAL THẨM TRA/ *APPLICATION REVIEW (FOR CGLOBAL ONLY):*

3.1. Thông tin người xem xét đăng ký/ *Registration reviewer information*

Người có thẩm quyền /<i>authorized person</i>	Tên / <i>Name</i>	Chức vụ/ <i>Title</i>	Ký/ <i>Signature</i>	Ngày/ <i>Date</i>
Người xem xét/ <i>Reviewed by:</i>				
Phòng chứng nhận/				

	Biểu mẫu/ <i>Form</i>	ĐĂNG KÝ CHỨNG NHẬN GLOBALG.A.P. TRỒNG TRỌT/ <i>APPLICATION FOR GLOBALG.A.P. CERTIFICATION- CROPS</i>
	F01-PRC.10	Hiệu lực/ <i>Effective date:</i> 14.02.2025

Controlled by <i>Certification Dept:</i>				
---	--	--	--	--

3.2. Mức độ đầy đủ của thông tin/ *Does the information that producer provided enough for review?*

☐ Đủ/ *Yes* ☐ Không đủ/ *No*

(Chỉ xác nhận “Đủ” khi các thông tin đầy đủ, nếu không, ghi rõ chi tiết hồ sơ cần bổ sung vào dưới /
Only confirm “Enough” when the information is complete, otherwise, specify the details of the application to be added below).

Cần bổ sung/ *Need additional information:*

.....
.....

3.3. Phạm vi chứng nhận/ *Scope:*

3.4. Số địa điểm đánh giá/ *Audited sites number:*

3.5. Lựa chọn chứng nhận/ *Certification Option:*

- ☐ Option 1: Một điểm sản xuất/Individual
☐ Option 1: Đa điểm sản xuất không có QMS/Multisite without QMS
☐ Option 1: Đa điểm sản xuất có QMS/ Multisite with QMS
☐ Option 2: Nhóm nhà sản xuất/Producers group

3.6. Thời lượng đánh giá/ *Audit Duration:*

3.7. Chuyên gia có năng lực để đánh giá/ *Auditor:*

3.8. Số GGN/ *GGN number:*

☐ Đăng ký mới/ *Register new GGN* ☐ Đã có/ *Exist*

3.9. Cấp mã khách hàng/ *CGLOBAL's client code:* CGLOBAL.....